

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
K4-HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2025

*V/v: Tranh chấp ly hôn và việc
nuôi con chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN K4 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc D

Ông Nguyễn Quyết T

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị P - Thư ký Tòa án nhân dân K4 - Hưng Yên

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân K4 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Q - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân K4 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn và việc nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1987

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã V, tỉnh Hưng Yên

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** (con chung của chị H và ông M1): Cháu Nguyễn Trung H1, sinh ngày: 21/9/2010

Người đại diện theo pháp luật cho cháu H1: Anh Nguyễn Văn M - Bố đẻ và chị Nguyễn Thị H - Mẹ đẻ.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã V, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng:**

- Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Đ, thôn V, xã P, thành phố Hải Phòng.

- Bà Hoàng Thị D, sinh năm: 1954

- Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm: 2006

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã V, tỉnh Hưng Yên

Các đương sự, người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn M trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã V, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 13/4/2006. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ đẻ anh M được khoảng 03 tháng thì chuyển ra ăn riêng, ở riêng. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh M hay ghen, nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác, thường xuyên kiểm soát thời gian, công việc cũng như cuộc sống của chị, lấy điện thoại của chị kiểm tra các tin nhắn, cuộc gọi làm chị rất mệt mỏi. Anh M không tu chí làm ăn, thường xuyên cờ bạc, rượu chè, chị và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh không nghe mà còn chửi chị, xúc phạm chị. Năm 2007, anh M bị Tòa án nhân dân huyện V xét xử về hành vi đánh bạc nhưng anh M không lấy đó làm bài học để sửa đổi bản thân. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2025, anh chị ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh M có đến nhà gặp, xin lỗi chị, hứa sẽ thay đổi bản thân và mong chị quay về đoàn tụ, chị đã cho anh M rất nhiều cơ hội nhưng anh không thay đổi nên lần này chị không đồng ý. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2006 và cháu Nguyễn Trung H1, sinh ngày 21/9/2010. Cháu Đ đã thành niên (đủ 18 tuổi), tự chăm lo được cho bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng. Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH S, địa chỉ tại: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là thôn P, xã P, thành phố Hải Phòng). Thu nhập bình quân của chị 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị và anh M không có gì chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H là tự nguyện, thời điểm đăng ký kết hôn và phát sinh mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày trên. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh và chị H là do anh nghi ngờ chị H có quan hệ với người đàn ông khác. Khoảng cuối tháng 10 năm 2024, anh thấy chị H có nhiều biểu hiện lạ, thường xuyên ăn diện, đánh phấn son, mua sắm quần áo, đi làm từ sớm đến khuya mới về, tỏ thái độ lạnh nhạt, xa cách, không muốn gần gũi, chê anh hơi hám do uống rượu chè nhiều nên không cho anh quan hệ nhiều tháng. Anh có hỏi nguyên nhân thì chị H nổi nóng, xưng mày tao với anh và còn thách thức nếu không ở được thì chia tay. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều nhưng không được. Khoảng tháng 4 năm 2025, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh có đến nhà gặp, xin lỗi chị, mong chị quay về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Nay anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung như chị H trình bày. Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2006 đã thành niên (đủ 18 tuổi), tự chăm lo được cho bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng cháu Đ. Anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trung H1, sinh ngày 21/9/2010 cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh và chị H không có gì chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Trung H1 trình bày:**

Khi còn chung sống cùng nhà, bố mẹ cháu thường xuyên cãi nhau to tiếng, nhiều lần xúc phạm nhau. Nguyên nhân dẫn đến bố mẹ mâu thuẫn cháu không biết. mẹ cháu là người quan tâm, chăm lo cho anh em cháu từ việc sinh hoạt hàng ngày đến việc ăn, học. Bố không quan tâm đến anh em cháu, cháu thấy bố hay ở nhà chơi và còn uống rượu, hay chửi mẹ và anh em cháu. Từ khi bố mẹ ly thân, cháu về nhà ông bà ngoại ở cùng mẹ, cháu được mẹ và ông bà quan tâm chăm sóc. Cháu mong muốn được chuyển trường để học tập và sinh sống cùng mẹ và ông bà ngoại nếu bố mẹ ly hôn.

*** Người làm chứng:**

- *Cháu Nguyễn Tiến Đ trình bày:* Trong thời gian chung sống, bố mẹ cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, xúc phạm nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa bố mẹ, cháu không nắm được. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, bố mẹ đã ly thân vài tháng nay không quan tâm đến nhau. Việc ly hôn cháu để bố mẹ tự quyết định. Hiện nay cháu đã thành niên (đủ 18 tuổi), tự chăm lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về người nuôi dưỡng và cấp dưỡng đối với cháu sau khi bố mẹ ly hôn.

- Bà Hoàng Thị D trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn M, mẹ chồng chị Nguyễn Thị H. Sau khi kết hôn, anh M và chị H chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H có nhiều biểu hiện lạ, thường xuyên ăn diện, đánh phấn son, đi làm từ sớm tới khuya mới về nên anh M nghi ngờ chị H có quan hệ với người đàn ông khác và hay chì chiết chị H về việc này. Khoảng tháng 4 năm 2025, do nghi ngờ chị H mang bạn trai về nhà bố mẹ đẻ chị H nên anh M và chị H cãi nhau to tiếng. Vài ngày sau, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở. Được khoảng 20 ngày, bà và anh M đến khuyên chị H, chị H về ở với anh M một tuần rồi lại về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian anh M và chị H ly thân, bà và anh M có đến nhà gặp, anh M xin lỗi chị H và mong chị H quay về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H xin ly hôn, mong các con về đoàn tụ còn quyền quyết định là ở các con. Anh M2 và chị H có 02 con như ông bà trình bày trên. Chị H không đóng góp gì vào tài sản của gia đình bà.

- Bà Phạm Thị T trình bày: Bà là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị H. Quá trình chung sống, chị H và anh M2 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh M2 có tính hay ghen, thường nghi ngờ chị H có quan hệ với người đàn ông khác. Chị H giải thích, khẳng định không có việc đó nhưng anh M2 không tin còn hay chất vấn xem chị H đi đâu, làm gì, đi với ai. Anh M2 còn không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Hai bên gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh M2 không nghe. Chị H và anh M2 đã ly thân từ khoảng tháng 4 năm 2025 đến nay, chị H về nhà bà sinh sống. Việc chị H xin ly hôn anh M2 bà để anh chị tự quyết định. Chị H và anh M2 có 02 con như anh chị trình bày trên.

*** Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:** Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã V, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 13/4/2006. Quá trình chung sống, anh M và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị chính quyền địa phương không nắm được. Anh M2 và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2006 và cháu Nguyễn Trung H1, sinh ngày 21/9/2010. Về quan hệ hôn nhân và con chung của anh M2 và chị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.
- Sau khi HĐXX xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Đại diện VKSND huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc xem xét chứng cứ tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn đã thực

hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quy định tại điều 70, điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, vắng mặt lần thứ hai, có đề nghị xét xử vắng mặt, chấp hành đúng quy định tại điều 78 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 4 điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Anh M2 và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2006 và cháu Nguyễn Trung H1, sinh ngày 21/9/2010. Giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 đến khi cháu thành niên, anh M2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, có đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, người làm chứng, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã V, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 13/4/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị không tin tưởng nhau, anh M nghi ngờ chị H ngoại tình, uống rượu nhiều và có xúc phạm chị H. Anh chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2025 đến nay. Chị H xác định không còn tình cảm với anh M nên đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn, anh M cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. *Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh M2 và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2006 và cháu Nguyễn Trung H1, sinh ngày 21/9/2010. Chị H có công việc và nơi ở ổn định, thường xuyên quan tâm, chăm sóc cháu H1 nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H1, cần giao cháu H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Anh M2 cũng đồng ý yêu cầu của chị H về việc nuôi con chung.

Chị H không yêu cầu anh M2 cấp dưỡng nuôi con chung nên anh M2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức*: Chị H và anh M2 không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H1, sinh ngày 21/9/2010 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0004653 ngày 14/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HY.
- VKSND tỉnh Hưng Yên.
- VKSND K4 - Hưng Yên.
- THADS tỉnh Hưng Yên.
- UBND xã V (Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 13/4/3006)
- Các đương sự; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ M